

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 53/2019/HSST
Ngày 30/11/2019.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hân.

Các HTND: Ông Nguyễn Hữu Minh.

Ông Vũ Văn Vùng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 30/11/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa công khai sơ thẩm xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 56/2019/HSST ngày 19/11/2019; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXX - HSST, ngày 19/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn T, sinh năm 1967.

Trú tại: Thôn P, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông Đỗ Văn L (Đã chết) và con bà Phạm Thị M.

Vợ là Bùi thị Th và có 02 con (Con lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1999).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án HSST số: 10/HSST, ngày 27/4/2004 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Đỗ Văn T 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” nH1 cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Đã chấp hành xong tiền án phí ngày 15/9/2004 (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/7/2019 đến ngày 27/7/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

2. Phạm Văn H, sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn P, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông Phạm Văn K (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị L .

Vợ là Nguyễn Thị H và có 03 con (Con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2008).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án HSST số: 10/HSST, ngày 27/4/2004 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Phạm Văn H 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” nH1 cho

hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Bị cáo đã chấp hành xong tiền án phí ngày 15/9/2004 (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/7/2019 đến ngày 27/7/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

3. Vũ Trung N, sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn TD, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam Tôn giáo: Không.

Con ông Vũ Hữu T (Đã chết) và con bà Đỗ Thị T.

Vợ là Phạm Thị Nhài và có 02 con (Con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/7/2019 đến ngày 27/7/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Thị M, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn HA, xã TL, huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam Tôn giáo: Không.

Con ông Nguyễn Văn T (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị Th.

Có chồng là Bùi Văn Nên và có 02 con (Con lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2002).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/7/2019 đến ngày 27/7/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

5. Bùi Văn S, sinh năm 1964.

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số: 73, ngày 03/9/2019 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy C, tỉnh Bắc Ninh.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không

Con ông Bùi Văn C (Đã chết) và con bà Phạm Thị T (Đã chết).

Có vợ là Nguyễn Thị T và có 02 con (Con lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1996).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/6/2003 bị Công an huyện C, tỉnh Bắc Ninh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” (Đã hết hiệu lực).

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi N vụ liên quan:

1. Nghiêm Việt L, sinh năm: 1964 (Vắng mặt).

Trú tại: P, TT B, C, Bắc Ninh.

2. Đoàn Thành H1, sinh Năm: 1976 (Vắng mặt).

Trú tại : Ấp Dừa, TC, C, Bắc Ninh.

3. Vũ Huy L, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Trú tại: TL, TL, C, Bắc Ninh.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Đỗ Văn T, Phạm Văn H, Vũ Trung N, Nguyễn Thị M và Bùi Văn S bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 22 và ngày 23/7/2019, Vũ Trung N, Phạm Văn H, Đỗ Văn T, Nguyễn Thị M đến Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Ninh đầu thú, khai nhận về hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi số lô, số đề đồng thời giao nộp các điện thoại có chứa dữ liệu liên quan trực tiếp đến hành vi đánh bạc của mình. Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Đỗ Văn T, Vũ Trung N và Nguyễn Thị M là những người nhận ghi số đề, số lô được thua bằng tiền cho những người muốn chơi (ghi) số lô, số đề. Cách thức đánh bạc bằng hình thức chơi số lô, số đề như sau: Căn cứ vào kết quả Xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng lúc 18 giờ 30 phút hằng ngày, đánh số đề được lấy theo 2 số cuối của giải Đặc Biệt hoặc giải Nhất, đánh số lô được lấy theo kết quả 2 số cuối tất cả các giải thưởng, số đề 3 càng được lấy theo 3 số cuối của giải Đặc Biệt. Tỷ lệ được thua là người chơi (ghi) tự chọn số đề và số tiền để ghi, nếu số đề người chơi trùng với 2 số cuối giải đặc biệt hoặc giải nhất (theo cửa ghi) là trúng đề, người nhận ghi số đề phải trả số tiền gấp 80 lần số tiền người chơi đã ghi số đề đó. Số lô được tính theo điểm, mỗi điểm lô người ghi phải trả cho người nhận ghi số tiền là 22.000 đồng/1 điểm lô, lô xiên cũng tính theo điểm, mỗi điểm lô xiên là 10.000 đồng, người ghi trúng số lô được người nhận ghi trả số tiền là 80.000 đồng/1 điểm lô, người ghi trúng lô xiên 2 được trả số tiền 100.000 đồng/1 điểm, trúng lô xiên 3 được trả số tiền 400.000/1điểm, trúng lô xiên 4 được trả số tiền 1.000.000 đồng/1 điểm, trúng đề 3 càng được trả gấp 400.000 lần số tiền người chơi đã ghi số đề đó. Nếu không trúng thì người ghi bị mất số tiền đã ghi số lô, số đề với người nhận ghi.

Đỗ Văn T khai: Từ đầu tháng 7/2019, T bắt đầu nhận ghi số lô, số đề được thua bằng tiền cho những người chơi, những người chơi (ghi) số lô, số đề gửi tin nhắn qua điện thoại cho T hoặc đến đánh (ghi) trực tiếp với T. Sau khi ghi xong T chép số lô, số đề cùng với số tiền tương ứng vào giấy (gọi là cấp đề) rồi chụp lại vào điện thoại để theo dõi, so sánh thắng thua, các tờ cấp đề sau khi đã đối chiếu với bảng xổ số xong T đã đốt huỷ đi. Khi ghi số lô đề cho người chơi, T không chuyển cho ai mà T sẽ tính được thua trực tiếp với khách. Ngày 21/7/2019, T ghi số lô, số đề qua tin nhắn do người chơi nhắn tin gửi đến cho T và trực tiếp ghi số lô, số đề cho người chơi tại nhà mình. Những người ghi số lô, số đề gửi tin nhắn qua điện thoại cho T để ghi số lô, số đề ngày 21/7/2019, gồm:

Phạm Văn H sử dụng số điện thoại 0984.213.220 nhắn tin đến số điện thoại 0973.956.497 của T, đánh (ghi) các số lô 92; 29 mỗi số 20 điểm (tổng là 40 điểm) thành tiền là 880.000 đồng, số lô xiên 29 - 82 với số tiền 100.000 đồng. Tổng số tiền H ghi số lô, lô xiên với T là 980.000 đồng. Kết quả H trúng số lô 92, T phải trả H số tiền là 1.600.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền dùng đánh bạc của T với H là 980.000 đồng + 1.600.000 đồng = **2.580.000** đồng, hai người chưa thanh H với nhau số tiền đã dùng để đánh bạc.

Nghiêm Viết L sử dụng số điện thoại 0395.742.958 nhắn tin đến số điện thoại 0973.956.497 của T, đánh (ghi) số lô: 16; 61; 79; 97 mỗi số 10 điểm (tổng là 40 điểm), thành tiền là 880.000 đồng, số lô xiên 16 + 61; 79 + 97 là 10 điểm thành tiền là 100.000 đồng, tổng số tiền L ghi số lô, lô xiên với T là **980.000** đồng, kết quả L không trúng, đến ngày 22/7/2019 L đã trả T số tiền này.

Đoàn Thanh H1 sử dụng số điện thoại 0976.853.700 nhắn tin đến số điện thoại 0973.956.497 của T, đánh (ghi) các số lô: 03; 31; 65 mỗi số 10 điểm (tổng là 30 điểm) thành tiền là 660.000 đồng, các số đề: 40, 41 mỗi số 50.000 đồng, các số đề ba càng: 140, 141 mỗi số 50.000 đồng. Tổng số tiền H1 ghi số lô, số đề với T là 860.000 đồng. Kết quả H1 trúng số lô 03, T phải trả H1 số tiền 800.000 đồng, như vậy tổng số tiền T và H1 đánh bạc là 860.000 đồng + 800.000 đồng = **1.660.000** đồng, hai bên đã thanh H với nhau số tiền đánh bạc.

Nguyễn Văn Cương sử dụng số điện thoại 0987.390.788 nhắn tin đến điện thoại của T đánh (ghi) số đề 12; 21 mỗi số 25.000 đồng, tổng là 50.000 đồng. Kết quả Cương không trúng, Cương chưa trả T số tiền đánh bạc.

Toàn vợ tên là Định sử dụng số điện thoại 0985.746.567 nhắn tin đến điện thoại của T đánh (ghi) số lô 71; 63; 33; 83 mỗi số 5 điểm thành tiền là 440.000 đồng, kết quả Toàn trúng số 71; 83 được 800.000 đồng, T và Toàn chưa thanh H với nhau số tiền đánh bạc.

Ngoài những người ghi số lô, số đề với T qua tin nhắn nêu trên, ngày 21/7/2019 T còn ghi số lô, số đề tại nhà cho những người chơi khác nH1 T không nhớ là ai. Tất cả số lô, số đề cùng số tiền ghi được của người chơi ngày 21/7/2019 T chép vào 03 (ba) tờ giấy rồi dùng điện thoại di động của T chụp ảnh lại để theo dõi, xác định thắng thua với người chơi (ghi) số lô, số đề, còn 03 tờ giấy mà T chép các số lô, số đề ghi được T đốt huỷ đi. Tổng số tiền mà người chơi ghi số lô, số đề với T ngày 21/7/2019 là **20.050.000 đồng**, trong đó tiền số lô là 16.830.000 đồng tương ứng với 765 điểm lô, tiền số đề là 3.220.000 đồng. Số tiền thu được của người ghi số lô, số đề T đã chi tiêu cá nhân hết.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra hai chiếc điện thoại mà Đỗ Văn T tự giác giao nộp. Kết quả kiểm tra xác định được:

+ Máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 màu trắng kèm theo 02 sim điện thoại có số: 0973.956.497 và 0961.618.062.

Kiểm tra tin nhắn SMS, danh bạ thấy:

- Ngày 21/7/2019: 17 giờ 39 phút L H số điện thoại 0395.742.958 nhắn tin cho T số điện thoại 0973.956.497 ghi số lô 16,61,79,97 mc 10đ; xiên 10đ “OK”. T trình bày đó là số lô 16,61,79,97 mỗi con 10 điểm, lô xiên 16,61,79,97 mỗi con 10 điểm. T trả lời “OK”.

- Ngày 21/7/2019: 18 giờ 01 phút Cương số điện thoại 0987.390.788 nhắn tin cho T vào số 0973.956.497 ghi đề 12, 21 mỗi con 25.000 đồng, T trả lời “OK”.

- Ngày 21/7/2019: 11 giờ 25 phút H số điện thoại 0984.213.220 nhắn tin cho T vào số 0973.956.497 ghi lô 29, 92 mỗi con 20 điểm, lô xiên 29 - 92 là 10 điểm, T trả lời “OK”.

- Ngày 21/7/2019: 17 giờ 19 phút Toàn Điện thoại số điện thoại 0985.746.567 đến điện thoại của T số 0973.956.497 đánh (ghi) số lô 71; 63; 33; 83 mỗi số 5 điểm, T trả lời “OK”.

- Ngày 21/7/2019: 18 giờ 02 phút H11 số điện thoại 0976.853.700 nhắn tin đến số điện thoại 0973.956.497 của T, đánh (ghi) các số lô: 03; 31; 65 mỗi số 10 điểm, số đề :40, 41 mỗi số 50.000 đồng, đề ba càng: 140, 141 mỗi số 50.000 đồng, T trả lời “OK”.

T đã giải thích cụ thể từng số đề cùng số tiền đánh, số lô và số điểm đánh cùng số tiền tương ứng, số tiền trúng số lô, số đề của từng người chơi và xác định đó là các tin nhắn của Nghiêm Viết L, Phạm Văn H, Đoàn Thanh H1, Nguyễn Văn Cương, Toàn vợ tên là Định. Các nội dung tin nhắn này trên điện thoại của T đã được Cơ quan điều tra in sao thành các bản ảnh.

Kiểm tra mục Bộ sưu tập phát hiện 03 bức ảnh ghi ngày 21/7/2019. T khai đó là ảnh T chụp lại bảng ghi cấp số lô, số đề của T ngày 21/7/2019.

Cơ quan điều tra đã tiến hành in sao hình ảnh nội dung các bảng cấp này trên điện thoại của T và cho T giải thích cụ thể nội dung từng con số lô, số đề cùng số tiền tương ứng của các bảng cấp đề này và xác minh được: Bảng cấp 1 (ảnh 1) có tổng số tiền ghi số lô, số đề là **1.000.000 đồng**. Bảng cấp 2 (ảnh 2) có tổng số tiền ghi số lô, số đề là **13.540.000 đồng**. Bảng cấp 3 (ảnh 3) có tổng số tiền ghi số lô, số đề là **5.510.000 đồng**. Tổng số tiền ghi được trên cả 03 bảng cấp là **20.050.000 đồng**, trong đó tiền ghi số lô là 16.830.000 đồng tương ứng với 765 điểm lô, tiền ghi số đề là 3.220.000 đồng.

Kiểm tra máy điện thoại nhãn hiệu Iphone của T, không phát hiện dữ liệu gì liên quan đến đánh bạc.

Khi đến cơ quan điều tra đầu thú và ban đầu T khai là làm thư kí ghi số lô, số đề cho Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1964 ở TD, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Ninh. Sau đó T xin thay đổi lời khai và khẳng định T vừa ghi số lô, số đề vừa tính được thua luôn với người ghi số lô, số đề.

Nghiêm Viết L, Phạm Văn H, Đoàn Thanh H1 đều khai nhận vào ngày 21/7/2019 đã sử dụng điện thoại của mình nhắn tin cho Đỗ Văn T để ghi số lô, số đề với T như T đã khai, sau khi biết T đến đầu thú về hành vi đánh bạc vì lo sợ nên L và H1 đã đập vỡ điện thoại. Kiểm tra điện thoại H tự giao nộp xác định H nhắn ghi số lô, số đề với T vào lúc 11 giờ 25 phút ngày 21/7/2019.

Vũ Trung N và Phạm Văn H khai nhận: Từ tháng 4/2019 N sử dụng số điện thoại 0963.431.984 của mình nhận ghi số lô đề qua tin nhắn cho những người muốn chơi. Trong tháng 4 và tháng 5/2019, Phạm Văn H đã nhiều ngày sử dụng số điện thoại của H 0984.213.220 nhắn tin đến số điện thoại của N 0963.431.984 bằng hình thức ghi số lô, số đề với N. Cụ thể các lần như sau:

Ngày 10/4/2019, H ghi các số lô: 67; 76 mỗi số 100 điểm, tổng là 200 điểm, thành tiền 4.400.000 đồng, kết quả H trúng số lô 76, N phải trả H số tiền 8.000.000 đồng. Tổng số tiền N và H đánh bạc là 4.400.000 đồng + 8.000.000 đồng = **12.400.000 đồng**.

Ngày 11/4/2019, H ghi các số lô: 27; 72 mỗi số 50 điểm, tổng là 100 điểm, thành tiền 2.200.000 đồng, ghi các số đề 27; 72 mỗi số 50.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, đề là 2.300.000 đồng. Kết quả H trúng số lô 72 được 4.000.000 đồng. Tổng số tiền N và H đánh bạc là 4.000.000 đồng + 2.300.000 đồng = **6.300.000** đồng.

Ngày 12/4/2019, H ghi các số lô: 68; 86 mỗi số 50 điểm, tổng là 100 điểm, thành tiền 2.200.000 đồng, ghi các số đề 68; 86 mỗi số 50.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, đề là 2.300.000 đồng. Kết quả H trúng số lô 68 được 4.000.000 đồng. Tổng số tiền N và H đánh bạc là 4.000.000 đồng + 2.300.000 đồng = **6.300.000** đồng.

Ngày 13/4/2019, H ghi các số lô: 46; 64 mỗi số 50 điểm, tổng là 100 điểm, thành tiền 2.200.000 đồng, ghi các số đề 46; 64 mỗi số 50.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, đề là 2.300.000 đồng. Kết quả H trúng số lô 46 và 64 được 8.000.000 đồng. Tổng số tiền N và H đánh bạc là 8.000.000 đồng + 2.300.000 đồng = **10.300.000** đồng.

Ngày 14/4/2019, H ghi các số lô 37; 73 mỗi số 100 điểm, tổng là 200 điểm thành tiền là 4.400.000 đồng, ghi các số đề 37; 73 mỗi số 100.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, đề là 4.600.000 đồng, kết quả H không trúng số lô, số đề nào.

Ngày 15/4/2019, H ghi các số lô: 02; 20; 58; 85 mỗi số 30 điểm, tổng là 120 điểm, thành tiền 2.640.000 đồng, ghi các số đề 02; 20 mỗi số 30.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, đề là 2.700.000 đồng. Kết quả H trúng số lô 02 (về 2 nháy), được 4.800.000 đồng. Tổng số tiền N và H đánh bạc là 2.700.000 đồng + 4.800.000 đồng = **7.500.000** đồng.

Ngày 16/4/2019, H ghi các số lô: 26; 62; 85 mỗi số 30 điểm, tổng là 90 điểm, thành tiền 1.980.000 đồng, ghi số đề 85 là 20.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, số đề là **2.000.000** đồng. Kết quả H không trúng số lô, số đề nào.

Ngày 17/4/2019, H ghi các số lô: 67; 76; 21 mỗi số 30 điểm, tổng là 90 điểm, thành tiền 1.980.000 đồng, ghi lô xiên 21- 76 là 12 điểm thành tiền là 120.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, số đề là 2.100.000 đồng. kết quả H trúng số lô 67 được 2.400.000 đồng. Tổng số tiền N và H đánh bạc là 2.100.000 đồng + 2.400.000 đồng = **4.500.000** đồng.

Ngày 18/4/2019, H ghi các số lô: 21; 87; 90 mỗi số 30 điểm, tổng là 90 điểm, thành tiền 1.980.000 đồng, ghi lô xiên 21- 87 - 90 là 12 điểm thành tiền là 120.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, số đề là 2.100.000 đồng. Kết quả H trúng số lô 90 được 2.400.000 đồng. Tổng số tiền N và H đánh bạc là 2.100.000 đồng + 2.400.000 đồng = **4.500.000** đồng.

Ngày 19/4/2019, H ghi các số lô: 25; 52; 34; 43 mỗi số 30 điểm, tổng là 120 điểm, thành tiền 2.640.000 đồng, ghi các số đề 25; 52 mỗi số 30.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, đề là **2.700.000** đồng. Kết quả H không trúng số lô, số đề nào.

Ngày 20/4/2019, H ghi các số lô: 45; 54 mỗi số 40 điểm, tổng là 80 điểm, thành tiền là 1.760.000 đồng, ghi các số đề 45; 54 mỗi số 60.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, đề là 1.880.000 đồng. Kết quả H trúng số lô 54 được 3.200.000 đồng. Tổng số tiền N và H đánh bạc là 1.880.000 đồng + 3.200.000 đồng = **5.080.000** đồng.

Ngày 21/4/2019, H ghi các số lô: 46; 64 mỗi số 40 điểm, tổng là 80 điểm, thành tiền 1.760.000 đồng, đánh lô xiên 46 - 64 là 12 điểm, thành tiền là 120.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, đề là 1.880.000 đồng. Kết quả H trúng số lô 64 được 3.200.000 đồng. Tổng số tiền N và H đánh bạc là 1.880.000 đồng + 3.200.000 đồng = **5.080.000** đồng.

Ngày 22/4/2019, H ghi các số lô: 16; 51; 27 mỗi số 30 điểm, tổng là 90 điểm, thành tiền 1.980.000.000 đồng, ghi lô xiên 16; 51; 27 là 10 điểm thành 100.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, đề là **2.080.000** đồng. Kết quả H không trúng số lô, số đề nào.

Ngày 23/4/2019, H ghi các số lô: 29; 92 mỗi số 40 điểm, tổng là 80 điểm, thành tiền 1.760.000 đồng, ghi các số đề 29; 92 mỗi số 50.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, đề là **1.860.000** đồng. Kết quả H không trúng số lô, số đề nào.

Ngày 24/4/2019, H ghi các số lô: 35; 53; 24; 42 mỗi số 25 điểm, tổng là 100 điểm, thành tiền **2.200.000** đồng. Kết quả H không trúng số lô, số đề nào.

Ngày 25/4/2019, H ghi các số lô: 07; 70; 50 mỗi số 50 điểm, tổng là 150 điểm, thành tiền 3.300.000 đồng, ghi các số đề 70; 50 mỗi số 100.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, đề là **3.500.000** đồng. kết quả H không trúng số lô, số đề nào.

Ngày 10/5/2019, H ghi các số lô: 05; 23; 31 mỗi số 40 điểm, tổng là 120 điểm, thành tiền 2.640.000 đồng, ghi số đề 23 là 60.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, đề là **2.700.000** đồng. Kết quả H không trúng số lô, số đề nào.

Ngày 11/5/2019, H ghi các số lô: 37; 73 mỗi số 75 điểm, tổng là 150 điểm, thành tiền 3.300.000 đồng, ghi các số đề 37; 73 mỗi số 100.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, đề là **3.500.000** đồng. Kết quả H không trúng số lô, số đề nào.

Ngày 12/5/2019, H ghi số lô: 53 là 70 điểm, thành tiền 1.540.000 đồng, ghi số đề 53 là 260.000 đồng, tổng số tiền H ghi số lô, số đề là **1.800.000** đồng. Kết quả H không trúng số lô, số đề nào.

Ngoài số lần đánh bạc trên thì N và H nhiều lần đánh bạc khác cũng bằng hình thức H gửi tin nhắn bằng điện thoại đến cho N để ghi số lô, số đề, do N đã xóa tin nhắn nên không thể nào nhớ cụ thể số lô, số đề và số tiền đánh cũng như tiền H trúng số lô, số đề.

Tiến hành kiểm tra chiếc Iphone 7 Plus của N (do N tự giác giao nộp), kết quả xác định rõ thời gian (ngày, giờ, phút) mà H nhắn tin đến cho N để đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề. Cơ quan điều tra đã lập văn bản, in sao các nội dung tin nhắn này. Kiểm tra điện thoại của H giao nộp, xác định ngày 10; 11 và 12/5/2019 H có nhắn tin cho N để đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề như H và N đã khai, các tin nhắn đánh bạc với N những ngày khác thì H đã xóa.

Phạm Văn H còn khai nhận: Ngoài các lần đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, đề với Vũ Trung N nêu trên, ngày 21/7/2019 H sử dụng số điện thoại 0984.213.220 nhắn tin đến số điện thoại 0942.926.916 của Nguyễn Thị M sinh năm 1978 ở TL, TL, C, Bắc Ninh để đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề. Cụ thể H ghi với M các số lô: 29; 92 mỗi số 10 điểm tổng là 20 điểm, thành tiền là 440.000 đồng, ghi số đề 29; 92 mỗi số 25.000 đồng. Tổng số tiền H ghi số lô, số đề với miền là 490.000 đồng,

kết quả H trúng số lô 92, M phải trả H số tiền 800.000 đồng, tổng số tiền H với M đánh bạc là 490.000 đồng + 800.000 = **1.290.000** đồng, H với M chưa thanh H với nhau tiền đánh bạc.

Ngày 21/7/2019, H sử dụng số điện thoại 0984.213.220 nhắn tin đến số điện thoại 0973.956.497 của Đỗ Văn T, sinh năm 1967 ở P, thị trấn B, C, Bắc Ninh để đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, đề. Cụ thể H ghi các số lô 92; 29 mỗi số 20 điểm (tổng là 40 điểm) thành tiền là 880.000 đồng. Số lô xiên 29 - 92 với số tiền 100.000 đồng. Tổng số tiền H ghi số lô, lô xiên với T là 980.000 đồng. Kết quả H trúng số lô 92, T phải trả H số tiền là 1.600.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền dùng đánh bạc của T với H là 980.000 đồng + 1.600.000 đồng = **2.580.000** đồng, hai người chưa thanh H với nhau số tiền đã dùng để đánh bạc.

Nguyễn Thị M khai: Đầu tháng 5 năm 2019 M nhận ghi số lô, số đề cho người chơi thông qua tin nhắn SMS và tài khoản zalo qua số điện thoại 0942.926.916 của M. Ngày 26/5/2019, Vũ Huy L sinh năm 1990 trú tại TL, TL, C, Bắc Ninh sử dụng số điện thoại 0967.229.859 gọi đến số điện thoại của M ghi các số đề :79; 97 mỗi số 100.000 đồng và các số đề :04; 40; 14; 41; 25; 52 mỗi số 50.000 đồng, sau đó M nhắn tin lại cho L, xác nhận với L số đề mà L đã ghi. Tổng số tiền L ghi số lô, số đề với M là 500.000 đồng. Kết quả L không trúng, L trả M số tiền này.

Ngày 21/7/2019, Bùi Văn S, sinh năm 1964 trú tại TL, xã TL, huyện C, tỉnh Bắc Ninh sử dụng số điện thoại 0362.850.145 nhắn tin qua SMS đến số điện thoại 0942.926.916 của M ghi số lô 33 là 100 điểm thành tiền 2.200.000 đồng, các số lô: 77; 69; 96 mỗi số 50 điểm, thành tiền 3.300.000 đồng, ghi số đề 33 là 200.000 đồng, các số đề: 00; 11; 22; 33; 44; 55; 66; 77; 88; 99 mỗi số 20.000 đồng, số đề 77 là 50.000 đồng. Tổng số tiền S ghi số lô, số đề với M là 5.950.000 đồng. Kết quả S trúng số lô 69 và 96 (tổng là 100 điểm), M phải trả S số tiền là 8.000.000 đồng. Tổng số tiền S và M đánh bạc là: 5.950.000 đồng + 8.000.000 đồng = **13.950.000** đồng, hai bên đã thanh H với nhau tiền đánh bạc.

Ngày 21/7 /2019, Phạm Văn H sinh năm 1970 trú tại P, thị trấn B, C, Bắc Ninh sử dụng số điện thoại 0984.213.220 nhắn tin qua SMS đến số điện thoại 0942.926.916 của M ghi số lô 29; 92 mỗi số 10 điểm, thành tiền 440.000 đồng ghi số đề 29; 92 mỗi số 25.000 đồng. Tổng số tiền H ghi số lô, số đề với M là 490.000 đồng. Kết quả H trúng số lô 92, M phải trả H số tiền 800.000 đồng, hai bên chưa thanh H với nhau tiền đánh bạc. Tổng số tiền M và H đánh bạc là: 490.000 đồng + 800.000 đồng = **1.290.000** đồng.

Ngoài ra M còn khai: Ngày 21/7/2019 Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 cùng thôn với M, nhắn tin qua zalo có nick “Hoàng H” cho M với nick ”M” ghi các số lô: 68; 86; 69; 96 mỗi số 15 điểm (tổng là 60 điểm) thành tiền là 1.320.000 đồng, các số đề: 40; 41; 42; 43; 44; 45; 46; 47; 48; 49 mỗi số 50.000 đồng, các số đề 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19 mỗi số 30.000 đồng, các số đề: 01, 11, 21, 21, 31, 41, 51, 61, 71, 81, 91 mỗi số 30.000 đồng. Tổng số tiền H ghi số lô, số đề là 2.420.000 đồng, kết quả H trúng số lô 69 và 96 mỗi số 15 điểm, tổng là 30 điểm, được số tiền là

2.400.000 đồng và trúng số đề 45 được 4.000.000 đồng. Tổng số tiền H trúng số lô, số đề là 6.400.000 đồng. M và H đã thanh H với nhau số tiền đánh bạc.

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s gắn sim số 0942.926.916 mà M tự giác giao nộp, qua kiểm tra xác minh Bùi Văn S nhắn tin qua SMS cho M để đánh bạc vào lúc 15 giờ 47 phút ngày 21/7/2019, Phạm Văn H nhắn tin qua SMS cho M để đánh bạc vào lúc 15 giờ 04 phút ngày 21/7/2019, Nguyễn Văn H nhắn tin qua zalo cho M để đánh bạc vào lúc 18 giờ ngày 21/7/2019, tất cả đều được M trả lời đã nhận “OK”, tức M đồng ý. M nhắn tin cho L qua SMS xác nhận các số đề L đã ghi lúc 18h ngày 26/5/2019.

Vũ Huy L và Phạm Văn H đều khai nhận hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề với H như Nguyễn Thị M đã khai. Tiến hành kiểm tra điện thoại di động của H (do H tự giao nộp) xác định được H nhắn tin cho M để đánh bạc vào lúc 15 giờ 04 phút ngày 21/7/2019.

Đối với đối tượng Nguyễn Văn H sinh năm 1990 ở TL, TL, C, Bắc Ninh, M khai H nhắn tin qua zalo để ghi số lô, số đề với M, Cơ quan điều tra đã xác minh theo địa chỉ M khai NH1 H không có mặt tại địa phương, gia đình H và địa phương không rõ H đi đâu, làm gì, gia đình không liên lạc được nên chưa làm rõ được hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề giữa M và H.

Bùi Văn S khai: Do ở cùng thôn nên S biết nguyên thì M nhận ghi số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại cho người muốn ghi số lô, số đề. Ngày 21/7/2019 S dùng số điện thoại 0362.850.145 của S nhắn tin SMS đến số điện thoại 0942.926.916 của M để ghi số lô, số đề với M. S ghi số lô 33 là 100 điểm, các số lô: 77; 69; 96 mỗi số 50 điểm, đề đầu kép cân bằng 200.000 đồng (tức là các số đề 00; 11; 22; 33; 44; 55; 66; 77; 88; 99 mỗi số 20.000 đồng), số đề 22 là 200.000 đồng, số đề 77 là 50.000 đồng, tổng số tiền S ghi số lô, số đề với M là **5.950.000 đồng**. Kết quả S trúng số lô 69 và 96 mỗi số 50 điểm (tổng là 100 điểm), M phải trả S số tiền là 8.000.000 đồng, hai bên đã thanh H với nhau tiền dùng đánh bạc. Tổng số tiền M và S dùng đánh bạc là 5.950.000 đồng + 8.000.000 đồng = **13.950.000 đồng**. Sau khi biết M đã đầu thú với Cơ quan Công an về hành vi đánh bạc, S đã xóa nội dung tin nhắn trên điện thoại của mình về việc đánh bạc với M.

Về tang vật của vụ án: Khi đến cơ quan điều tra đầu thú, Đỗ Văn T tự giác giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung galaxy J7 màu trắng và 01 điện thoại nhãn hiệu iphone 5 màu trắng. Phạm Văn H tự giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng, Nguyễn Thị M tự giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu hồng và Vũ Trung N tự giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng. Các bị cáo khai đây là điện thoại sử dụng vào việc đánh bạc. Riêng 01 điện thoại nhãn hiệu iphone 5 màu trắng của Đỗ văn T không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 86/CT - VKS - P1, ngày 13/11/2019 của VKSND tỉnh Bắc Ninh đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn T, Phạm Văn H, Vũ Trung N, Nguyễn Thị M và Bùi Văn S về tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên tham gia phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn T, Phạm Văn H, Vũ Trung N, Nguyễn Thị M và Bùi Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 và của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn H từ 12 đến 15 tháng tù và từ 10 đến 15 triệu đồng tiền phạt. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt đi thi hành án, nH1 được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/7/2019 đến ngày 27/7/2019.

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1+ khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 và của Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Vũ Trung N từ 12 tháng đến 15 tháng tù và từ 10 đến 15 triệu đồng tiền phạt. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt đi thi hành án, nH1 được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/7/2019 đến ngày 27/7/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1+ khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Đỗ Văn T từ 25 đến 30 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

* Xử phạt: Các bị cáo Nguyễn Thị M, Bùi Văn S mỗi bị cáo từ 25 đến 30 triệu đồng.

Về tang vật: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung galaxy J7 màu trắng của Đỗ Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng của Phạm Văn H; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu hồng của Nguyễn Thị M; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng của Vũ Trung N.

Trả lại 01 điện thoại nhãn hiệu iphone 5 màu trắng cho Đỗ Văn T, do không liên quan đến hành vi phạm tội, nH1 tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền các bị cáo và người có quyền lợi N vụ liên quan đã sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể:

* Đối với bị cáo Đỗ Văn T:

- Đối với số tiền đánh bạc với Phạm Văn H là 2.580.000đ, hai bị cáo đã thanh H cho nhau số tiền đánh bạc và thắng bạc. Do đó cần truy thu của bị cáo T số tiền thu được từ hành vi đánh bạc 980.000đ.

- Đối với số tiền T sử dụng đánh bạc với Nghiêm Viết L là 980.000đ, L đã trả T số tiền đánh bạc. Do đó cần truy thu của T 980.000đ.

- Đối với số tiền đánh bạc với Đoàn Thành H1, do bị cáo và H1 đã thanh H trả cho nhau tiền đánh bạc và thắng bạc. Do đó cần truy thu của bị cáo T số tiền sử dụng đánh bạc là 860.000đ;

- Truy thu của bị cáo T số tiền sử dụng đánh bạc trong ngày 21/7/2019 với người chơi là 20.050.000đ.

Như vậy tổng số tiền truy thu của bị cáo T là: 22.870.000đ (hai mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

* Đối với bị cáo Phạm Văn H:

- Đối với số tiền bị cáo đánh bạc, thắng bạc với bị cáo N là 88.900.000đ, hai bị cáo chưa thanh H trả cho nhau số tiền trên. Do đó mỗi bị cáo phải chịu $\frac{1}{2}$ trên tổng số tiền sử dụng đánh bạc và thắng bạc là: $88.900.000 : 2 = 44.450.000đ$.

- Đối với số tiền sử dụng đánh bạc và thắng bạc với bị cáo Nguyễn Thị M là 1.290.000đ. Hai bị cáo đã thanh H với nhau xong, do đó cần truy thu của bị cáo H số tiền thắng đánh bạc là 800.000đ.

- Đối với số tiền sử dụng đánh bạc với bị cáo T, do bị cáo T đã trả H tiền thắng bạc là 1.600.000đ. Do đó cần truy thu của H số tiền 1.600.000đ.

Như vậy tổng số tiền truy thu của bị cáo H là 46.850.000đ (*bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

* Đối với bị cáo N:

- Đối với số tiền bị cáo đánh bạc, thắng bạc với bị cáo H là 88.900.000đ, hai bị cáo chưa thanh H trả nhau số tiền trên. Do đó mỗi bị cáo phải chịu $\frac{1}{2}$ trên tổng số tiền sử dụng đánh bạc và thắng bạc là: $88.900.000 : 2 = 44.450.000đ$.

Do đó cần truy thu của bị cáo N 44.450.000đ (*bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

* Đối với bị cáo M và S:

- Đối với số tiền M đánh bạc với Vũ Huy L là 500.000đ, L đã trả M số tiền đánh bạc, do đó cần truy thu của M số tiền 500.000đ.

- Đối với số tiền M đánh bạc với H là 490.000đ, H đã trả M số tiền đánh bạc, do đó cần truy thu của M số tiền 490.000đ.

- Đối với số tiền M đánh bạc với Bùi Văn S là 5.950.000đ, do S đã trả M số tiền đánh bạc là 5.950.000đ, số tiền S thắng bạc là 8.000.000đ, M đã thanh H trả cho S. Do đó cần truy thu của M 5.950.000đ.

Như vậy tổng số tiền truy thu của bị cáo M là 6.940.000đ (*sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*).

Tổng số tiền truy thu của bị cáo S là 8.000.000đ (*tám triệu đồng chẵn*).

Ngoài ra truy thu của người có quyền lợi N vụ liên quan số tiền đánh bạc, thắng bạc, cụ thể như sau:

- Truy thu của Đoàn Thành H1 số tiền thắng bạc với bị cáo T là 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng chẵn*).

Xác nhận cả 05 bị cáo trước khi mở phiên tòa đã tự nguyện nộp các khoản tiền phạt, tiền án án phí HSST theo quy định của pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội của VKS và không có ý kiến gì.

Đại diện VKS giữ nguyên quan điểm như bản luận tội.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong thời gian từ ngày 10/4/2019 đến 25/4/2019 và từ ngày 10/5/2019 đến ngày 12/5/2019, hàng ngày Vũ Trung N đã nhận ghi số lô, số đề của Phạm Văn H để N và H đánh bạc với nhau bằng hình thức ghi số lô, số đề. Trong các ngày N và H đánh bạc với nhau nêu trên, có 06 ngày số tiền dùng để đánh bạc của N và H trên 5.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 10/4/2019 là 12.400.000 đồng, ngày 11/4/2019 là 6.300.000 đồng, ngày 12/4/2019 là 6.300.000 đồng, ngày 13/4/2019 là 10.300.000 đồng, ngày 20/4/2019 là 5.080.000 đồng, ngày 21/4/2019 là 5.080.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa N và H từ ngày 10/4/2019 đến 25/4/2019 và từ ngày 10/5/2019 đến ngày 12/5/2019 là **89.900.000 đồng**, trong đó số tiền H ghi số lô, số đề với N là **48.900.000 đồng**, tiền H trúng số lô, số đề là **40.000.000 đồng**. Toàn bộ số tiền đánh bạc N và H chưa thanh H với nhau. Ngoài ra ngày 21/7/2019, Phạm Văn H còn đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề với Nguyễn Thị M với số tiền 1.290.000 đồng, đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề với Đỗ Văn T với số tiền là 2.580.000 đồng.

Ngày 21/7/2019 Đỗ Văn T đánh bạc bằng hình thức nhận ghi số lô, số đề cho người chơi với số tiền **20.050.000 đồng**, trong đó có Phạm Văn H, Đoàn Thành H1, Nghiêm Viết L gửi qua tin nhắn điện thoại cho T để ghi số lô, số đề. Tổng số tiền T và H dùng để đánh bạc là 2.580.000 đồng, tổng số tiền T và H1 dùng để đánh bạc là 1.660.000 đồng, tổng số tiền T và L dùng để đánh bạc là 980.000 đồng tổng số tiền T dùng đánh bạc với H, H1, L là 2.580.000 đồng + 1.660.000 đồng + 980.000 đồng = **5.220.000 đồng**.

Ngày 21/7/2019 Nguyễn Thị M đánh bạc bằng hình thức nhận ghi số lô, số đề cho người chơi với số tiền là **15.240.000 đồng**, trong đó có Bùi Văn S, Phạm Văn H để ghi số lô, số đề với M. Tổng số tiền M và S dùng để đánh bạc là **13.950.000 đồng**, tổng số tiền M và H dùng đánh bạc là **1.290.000 đồng**.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo đã nêu trên đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” được quy định tại theo khoản 1 Điều 321 của BLHS, đúng như tội danh và điều luật mà VKSND tỉnh Bắc Ninh đã truy tố.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới trật tự xã hội. Hành vi của các bị cáo làm mất trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, đối với các bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng đối với từng bị cáo.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức đầy đủ hành vi các bị cáo đã làm là trái với quy định pháp luật. Đối với bị cáo T và H tại bản án số: 10/HSST, ngày 27/4/2004 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Đỗ Văn T 06 tháng tù về tội "Đánh bạc" nH1 cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Phạm Văn H 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” nH1 cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Đối với hành vi đánh bạc này của các bị cáo số tiền sử dụng để đánh bạc dưới 5.000.000đ, bản thân các bị cáo cũng đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xoán án tích. Tuy nhiên theo nội dung hướng dẫn tại công văn số 01/2017/GĐ - TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối Cao và Nghị quyết số: 01/2018/NQ - HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa

án nhân dân Tối Cao thì hành vi phạm tội lần này của các bị cáo không được xác định là phạm tội lần đầu. Từ đó khẳng định các bị cáo là người có nhân thân xấu, cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Xét các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy: Đối với bị cáo Nguyễn Thị M và Bùi Văn S, Vũ Trung N đây là lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo T, H, N, M tự giác đến Cơ quan điều tra để đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra bị cáo T có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ, bố đẻ và mẹ đẻ bị cáo N tham gia kháng chiến và được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen và huy chương kháng chiến. Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều tự nguyện nộp trước tiền phạt và tiền án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo N, S, M. Các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo H và bị cáo T để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo Vũ Trung N và Phạm Văn H đã có 06 ngày đánh bạc với nhau và số tiền dùng vào việc đánh bạc của 06 ngày đó đều trên 5.000.000đ. Nên bị cáo N và bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội từ 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Vì vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa riêng. Ngoài hình phạt chính ra thì các bị cáo Phạm Văn H, Vũ Trung N còn bị áp dụng bổ sung là hình phạt tiền được quy định khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Xét thấy cần phạt mỗi bị cáo là 10.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xét thấy các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thị M và Bùi Văn S không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; Do vậy HĐXX chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS cũng đủ giúp các bị cáo trở thành người tốt.

Đối với Nguyễn Viết L, Đoàn Thành H1 là những người đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề với Đỗ Văn T; Đối với Vũ Huy L có hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề với Nguyễn Thị M. Do số tiền dùng để đánh bạc chưa đủ mức để truy cứu trách nhiệm hình sự và đều có nhân thân tốt, Cơ quan công an tỉnh Bắc Ninh xử phạt vi phạm hành chính đối với L, H1, L là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với Nguyễn Văn Cương, sinh năm 1975 trú tại Phượng Trì, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Ninh; Đối với Toàn vợ tên là Định quê ở thôn Lạng Khê, xã TL, huyện C, tỉnh Bắc Ninh là những người Đỗ Văn Tịnh khai đã gửi tin nhắn qua điện thoại để ghi số lô, số đề với T. Cơ quan điều tra đã xác định các đối tượng tại địa phương theo địa chỉ mà T khai nH1 không có con người thật có tên như T khai và không xác định được nhân thân lai lịch của đối tượng nên chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 ở thôn TL, xã TL, huyện C, tỉnh Bắc Ninh là người M khai nhận tin bằng điện thoại qua zalo để ghi số lô, số đề với M ngày 21/7/2019, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập và xác minh theo địa chỉ M khai nH1 H không có mặt tại địa phương, gia đình H và địa phương không biết H đi đâu, làm gì, gia đình không lên lạc được nên chưa làm rõ được hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề giữa M và H. Cơ quan điều tra tách tài liệu liên quan đến việc đánh bạc giữa M và H để tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ thì xử lý sau là phù hợp.

Quá trình điều tra các bị cáo T, N, H, M khai ngoài những lần đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề nêu trên các bị can còn có một số lần thực hiện đánh bạc bằng hình thức chơi số lô, số đề nH1 không nhớ ngày và các số lô, số đề cụ thể, nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về tang vật: Xét thấy 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung galaxy J7 màu trắng thu được của Đỗ Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng thu được của Phạm Văn H; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu hồng thu được của Nguyễn Thị M; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng thu được của Vũ Trung N, đây là những vật chứng dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu iphone 5 màu trắng, do chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội đánh bạc; nH1 cần tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

HDXX xét thấy cần truy thu xung công quỹ nhà nước số tiền mà các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội đánh bạc cụ thể như sau:

* Đối với bị cáo Đỗ Văn T: - Đối với số tiền đánh bạc với Phạm Văn H là 2.580.000đ, hai bị cáo đã thanh H cho nhau số tiền đánh bạc và thắng bạc. Do đó cần truy thu của bị cáo T số tiền thu được từ hành vi đánh bạc là 980.000đ.

- Đối với số tiền T sử dụng đánh bạc với Nghiêm Viết L là 980.000đ, L đã trả T số tiền đánh bạc. Do đó cần truy thu của T 980.000đ.

- Đối với số tiền đánh bạc với Đoàn Thành H1, do bị cáo và H1 đã thanh H trả cho nhau tiền đánh bạc và thắng bạc. Do đó cần truy thu của bị cáo T số tiền sử dụng đánh bạc là 860.000đ.

- Truy thu của bị cáo T số tiền sử dụng đánh bạc trong ngày 21/7/2019 với người chơi là 20.050.000đ.

Như vậy tổng số tiền truy thu của bị cáo T là: 22.870.000đ (*hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).

* Đối với bị cáo Phạm Văn H: - Đối với số tiền bị cáo đánh bạc, thắng bạc với bị cáo N là 88.900.000đ, hai bị cáo chưa thanh H trả nhau số tiền trên. Do đó mỗi bị cáo phải chịu $\frac{1}{2}$ trên tổng số tiền sử dụng đánh bạc và thắng bạc là: $88.900.000: 2 = 44.450.000đ$.

- Đối với số tiền sử dụng đánh bạc và thắng bạc với bị cáo Nguyễn Thị M là 1.290.000đ. Hai bị cáo đã thanh H với nhau xong, do đó cần truy thu của bị cáo H số tiền thắng đánh bạc là 800.000đ.

- Đối với số tiền sử dụng đánh bạc với bị cáo T, do bị cáo T đã trả H tiền thắng bạc là 1.600.000đ. Do đó cần truy thu của H số tiền 1.600.000đ.

Như vậy tổng số tiền truy thu của bị cáo H là 46.850.000đ (*bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

* Đối với bị cáo N: - Đối với số tiền bị cáo đánh bạc, thắng bạc với bị cáo H là 88.900.000đ, hai bị cáo chưa thanh H trả nhau số tiền trên. Do đó mỗi bị cáo phải chịu $\frac{1}{2}$ trên tổng số tiền sử dụng đánh bạc và thắng bạc là: $88.900.000 : 2 = 44.450.000đ$

Do đó cần truy thu của bị cáo N 44.450.000đ (*bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

* Đối với bị cáo M và bị cáo S: - Đối với số tiền M đánh bạc với Vũ Huy L là 500.000đ, L đã trả M số tiền đánh bạc, do đó cần truy thu của M số tiền 500.000đ.

- Đối với số tiền M đánh bạc với H là 490.000đ, H đã trả M số tiền đánh bạc, do đó cần truy thu của M số tiền 490.000đ.

- Đối với số tiền M đánh bạc với Bùi Văn S là 5.950.000đ, do S đã trả M số tiền đánh bạc là 5.950.000đ, số tiền S thắng bạc là 8.000.000đ, M đã thanh H trả cho S. Do đó cần truy thu của M 5.950.000đ; truy thu của S 8.000.000đ.

Như vậy tổng số tiền truy thu của bị cáo M là 6.940.000đ (*sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*).

Tổng số tiền truy thu của bị cáo S là 8.000.000đ (*tám triệu đồng chẵn*).

Ngoài ra truy thu của người có quyền lợi N vụ liên quan số tiền đánh bạc, thắng bạc, cụ thể như sau:

- Truy thu của Đoàn Thành H1 số tiền thắng bạc với bị cáo T là 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng chẵn*).

HĐXX xác nhận: Các bị cáo Phạm Văn H đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 10.200.000đ, theo biên lai thu số: 004484 ngày 29/11/2019 (Bị cáo H đã nộp đủ tiền phạt và tiền án phí HSST).

Bị cáo Vũ Trung N đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 10.200.000đ, theo biên lai thu số: 004485 ngày 29/11/2019 (Bị cáo N đã nộp đủ tiền phạt và tiền án phí HSST).

Bị cáo Đỗ Văn T đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 20.000.000đ, theo biên lai thu số: 0004518 ngày 29/11/2019 (Bị cáo T đã nộp đủ tiền phạt).

Bị cáo Bùi Văn S đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 20.200.000đ, theo biên lai thu số: 004474 ngày 25/11/2019 (Bị cáo S đã nộp đủ tiền phạt và tiền án phí HSST).

Bị cáo Nguyễn Thị M đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 20.200.000đ, theo biên lai thu số: 004482 ngày 28/11/2019 (Bị cáo M đã nộp đủ tiền phạt và tiền án phí HSST).

Cũng tại phiên tòa HĐXX công bố lời khai của những người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận xét trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn H, Vũ Trung N, Đỗ Văn T, Nguyễn Thị M và Bùi Văn S phạm tội “**Đánh bạc**”.

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 và của Bộ luật hình sự. Khoản 4 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H 12 (Mười hai) tháng tù và 10.000.000đ tiền phạt để sung công quỹ Nhà nước. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt đi thi hành án, nH1 được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 23/7/2019 đến ngày 27/7/2019. Cấm bị cáo Phạm Văn H đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi đi chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 và của Bộ luật hình sự. Khoản 4 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Xử phạt: Bị cáo Vũ Trung N 12 tháng tù và 10.000.000đ tiền phạt để sung công quỹ Nhà nước. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt đi thi hành án, nH1 được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 22/7/2019 đến ngày 27/7/2019. Cấm bị cáo Vũ Trung N đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi đi chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự.

* Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự.

* Xử phạt: Các bị cáo Nguyễn Thị M; Bùi Văn S mỗi bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

* Về tang vật: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung galaxy J7 màu trắng của Đỗ Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng của Phạm Văn H; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu hồng của Nguyễn Thị M; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng của Vũ Trung N.

Trả lại 01 điện thoại nhãn hiệu iphone 5 màu trắng cho bị cáo Đỗ Văn T, nH1 tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Truy thu khoản tiền đối với các bị cáo và người có quyền lợi N vụ liên quan sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể:

Truy thu của bị cáo T là: 22.490.000đ (Hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

Truy thu của bị cáo H là 46.850.000đ (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

Truy thu của bị cáo N 44.450.000đ (*Bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

Truy thu của bị cáo M là 6.940.000đ (*Sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*).

Truy thu của bị cáo S là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng chẵn*).

Truy thu của người có quyền lợi N vụ liên quan: Đoàn Thành H1 số tiền thắng bạc với bị cáo T là 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng chẵn*).

* Xác nhận các bị cáo: Bị cáo Phạm Văn H đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 10.200.000đ, theo biên lai thu số: 004484 ngày 29/11/2019 (Bị cáo H đã nộp đủ tiền phạt và tiền án phí HSST).

Bị cáo Vũ Trung N đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 10.200.000đ, theo biên lai thu số: 004485 ngày 29/11/2019 (Bị cáo N đã nộp đủ tiền phạt và tiền án phí HSST).

Bị cáo Đỗ Văn T đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 20.000.000đ, theo biên lai thu số: 0004518 ngày 29/11/2019 (Bị cáo T đã nộp đủ tiền phạt).

Bị cáo Bùi Văn S đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 20.200.000đ, theo biên lai thu số: 004474 ngày 25/11/2019 (Bị cáo S đã nộp đủ tiền phạt và tiền án phí HSST).

Bị cáo Nguyễn Thị M đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 20.200.000đ, theo biên lai thu số: 004482 ngày 28/11/2019 (Bị cáo M đã nộp đủ tiền phạt và tiền án phí HSST).

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Đỗ Văn T, Phạm Văn H, Vũ Trung N, Nguyễn Thị M và Bùi Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST (Các bị cáo H, N, S, M đã nộp đủ tiền án phí HSST). Bị cáo T còn phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niên yết bản án tại địa phương./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện C.
- THA huyện C (án có hiệu lực pháp luật).
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Hãnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hãnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện C.
- THA huyện C (án có hiệu lực pháp luật).
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Hãnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Hãnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Hãnh

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C, TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 30 tháng 11 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hạnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Minh.

Ông Vũ Văn Vùng.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2019/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”.

1. **Đỗ Văn T**, sinh năm 1967.

2. **Phạm Văn H**, sinh năm 1970.

3. **Vũ Trung N**, sinh năm 1984.

4. **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1978.

5. **Bùi Văn S**, sinh năm 1964.

* Người có quyền lợi N vụ liên quan:

1. Nghiêm Việt L, sinh năm: 1964.

2. Đoàn Thành H1, sinh Năm: 1976 .

3. Vũ Huy L, sinh năm: 1990.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn H, Vũ Trung N, Đỗ văn T, Nguyễn Thị M và Bùi văn S phạm tội “ **Đánh bạc**”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 và của Bộ luật hình sự. Khoản 4 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với bị cáo Phạm Văn H.

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 và của Bộ luật hình sự. Khoản 4 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với bị cáo Vũ Trung N.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Đỗ Văn T.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự. Đối với các bị cáo Nguyễn Thị M; Bùi Văn S.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Hình phạt: Bị cáo Phạm Văn H 12 (Mười hai) tháng tù và 10.000.000đ tiền phạt để sung công quỹ Nhà nước. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt đi thi hành án, nH1 được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 23/7/2019 đến ngày 27/7/2019. Cấm bị

cáo Phạm Văn H đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi đi chấp hành hình phạt tù.

* Xử phạt: Bị cáo Vũ Trung N 12 tháng tù và 10.000.000đ tiền phạt để sung công quỹ Nhà nước. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt đi thi hành án, nH1 được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 22/7/2019 đến ngày 27/7/2019. Cấm bị cáo Vũ Trung N đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi đi chấp hành hình phạt tù.

* Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

* Xử phạt: Các bị cáo Nguyễn Thị M; Bùi Văn S mỗi bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Các vấn đề khác:

* Về tang vật: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung galaxy J7 màu trắng của Đỗ Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng của Phạm Văn H; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu hồng của Nguyễn Thị M; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng của Vũ Trung N.

Trả lại 01 điện thoại nhãn hiệu iphone 5 màu trắng cho bị cáo Đỗ Văn T, nH1 tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Truy thu khoản tiền đối với các bị cáo và người có quyền lợi N vụ liên quan sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể:

Truy thu của bị cáo T là: 22.490.000đ (*Hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).

Truy thu của bị cáo H là 46.850.000đ (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

Truy thu của bị cáo N 44.450.000đ (*Bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

Truy thu của bị cáo M là 6.940.000đ (*Sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*).

Truy thu của bị cáo S là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng chẵn*).

Truy thu của người có quyền lợi N vụ liên quan: Đoàn Thành H1 số tiền thắng bạc với bị cáo T là 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng chẵn*).

* Xác nhận các bị cáo: Bị cáo Phạm Văn H đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 10.200.000đ, theo biên lai thu số: 004484 ngày 29/11/2019 (Bị cáo H đã nộp đủ tiền phạt và tiền án phí HSST).

Bị cáo Vũ Trung N đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 10.200.000đ, theo biên lai thu số: 004485 ngày 29/11/2019 (Bị cáo N đã nộp đủ tiền phạt và tiền án phí HSST).

Bị cáo Đỗ Văn T đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 20.000.000đ, theo biên lai thu số: 0004518 ngày 29/11/2019 (Bị cáo T đã nộp đủ tiền phạt).

Bị cáo Bùi Văn S đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 20.200.000đ, theo biên lai thu số: 004474 ngày 25/11/2019 (Bị cáo S đã nộp đủ tiền phạt và tiền án phí HSST).

Bị cáo Nguyễn Thị M đã tự nguyện nộp khoản tiền để đảm bảo thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C là 20.200.000đ, theo biên lai thu số: 004482 ngày 28/11/2019 (Bị cáo M đã nộp đủ tiền phạt và tiền án phí HSST).

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Đỗ Văn T, Phạm Văn H, Vũ Trung N, Nguyễn Thị M và Bùi Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST (Các bị cáo H, N, S, M đã nộp đủ tiền án phí HSST). Bị cáo T còn phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niên yết bản án tại địa phương./.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hãnh